TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/DS-PT
Ngày 01 - 6 - 2021
V/v: Tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh;

Ông Đinh Huy Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh *Sơn La.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, từ ngày 25 tháng 5 năm 2021 đến ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công Z3i vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc: Tranh chấp lối đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị A, sinh năm: 1968. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1974. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Lê Xuân C, sinh năm: 1978. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Lê Văn D, sinh năm: 1966. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị Đ, sinh năm: 1982. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Chị Nguyễn Hồng E, sinh năm: 1978. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị F, sinh năm: 1954. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Lâm Thị G, sinh năm 1960. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Bà Liên vắng mặt, ông Z3 có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm: 1968. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

***2. Bị đơn*:**

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1962; ông Nguyễn Văn I, sinh năm: 1960. Đều cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La (bà H vắng mặt, ủy quyền cho ông I tham gia phiên tòa). Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Các thành viên khác trong hộ gia đình bà Trần Thị A gồm: ông Phạm Xuân B, sinh năm: 1965; Chị Phạm Thị K, sinh năm 1993; Anh Phạm Anh L, sinh năm 2000. Cư trú tại : Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện hộ gia đình là ông Phạm Xuân B - Chủ hộ. Ông B có mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình anh Lê Xuân C gồm: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1980; cháu Lê Nguyễn Tùng N, sinh năm: 2000; cháu Lê Nguyễn Minh O, sinh năm 2012. Cùng cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là anh Lê Xuân C - Chủ hộ. Vắng mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình ông Lê Văn D gồm: Bà Trần Thị P, sinh năm: 1969; Anh Lê Đức Q, sinh năm 1987; Chị Lê Thị R, sinh năm 1989. Cùng cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là ông Lê Văn D - Chủ hộ. Vắng mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình chị Lê Thị Đ gồm: Anh Bùi Minh S, sinh năm 1981. Cháu Bùi Ngọc T, sinh ngày 11/3/2003. Cháu Bùi Minh Thành U, sinh ngày 03/01/2010. Cùng cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là chị Lê Thị Đ - Chủ hộ. Chị Đcó mặt.

- Các thành viên trong hộ gia đình chị Nguyễn Hồng E gồm: Lê Đăng Tuấn V, sinh năm 2001. Lê Hồng Hải X, sinh ngày 12/5/2012. Cùng cư trú tại: tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là chị Nguyễn Hồng E - Chủ hộ. Chị E có mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị F gồm: ông Lê Văn Y, sinh năm 1947; Chị Lê Thị Z, sinh năm 1984; Anh Vì Văn Z1, sinh năm 1979; Cháu Vì Lê Hải Z2, sinh năm 2009. Cùng cư trú tại: tiểu khu 2, thị trấn

HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là ông Lê Văn Y - Chủ hộ. Bà F có mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình bà Lâm Thị G gồm: ông Phạm Xuân Z3, sinh năm: 1957; Anh Phạm Tuấn Z4, sinh năm 1984; Chị Phạm Thị Z5, sinh năm 1991. Cùng cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là ông Phạm Xuân Z3 - Chủ hộ. Ông Z3 có mặt.

- Bà Phạm Thị Z6, ông Lê Khải Z7. Địa chỉ: Số nhà 155, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị A đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:

** Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn trong vụ án bà Trần Thị A trình bày như sau*:

Con đường nằm giữa đất của hai hộ gia đình bà Đỗ Thị H (chồng là Nguyễn Văn I) và hộ gia đình ông Lê Khả Sơn (vợ là Phạm Thị Z6) thuộc xóm 1 và xóm 3 tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La được hình thành từ năm 1987. Đây là con đường được quy hoạch từ Nông trường Quốc doanh TH (nay là công ty Nông nghiệp Tô Hiệu) và Trường lái xe cũ (nay là trường dạy nghề) mở theo quy hoạch khu dân cư đấu nối từ đường Quốc lộ 6 đến đường lô (nay là đường Hoa Ban) song song với đường quốc lộ 6 có chiều rộng đường là 4m. Con đường được mở với mục đích chính là phục vụ cho việc chở nước sinh hoạt cung cấp cho các hộ dân là cán bộ viên chức trong trường dạy nghề. Qua thời gian sử dụng, con đường đã bị các hộ dân liền kề lấn chiếm khiến bị thu hẹp diện tích. Cụ thể đầu đường giáp Quốc lộ 6 phần giáp nhà ông bà H I (hướng Tây Bắc) còn lại chiều rộng 1,7m. Phía Đông Nam giáp với nhà bà Z6 Z7 đã xây nhà kiên cố không có tranh chấp. Đoạn giữa của hai con đường (vị trí giữa đất nhà bà F và ông Z3) có chiều rộng 2m (bà F qua hòa giải tại địa phương đã đồng ý trả lại diện tích lấn chiếm để con đường có chiều rộng 4m). Phần cuối con đường giáp đường Hoa Ban (giữa vị trí đất nhà ông Phong và ông Z3 có chiều rộng là 3,9m.

Khi Ủy ban nhân dân huyện MS có chủ trương làm đường Hoa Ban, khi triển khai thực hiện do không có kinh phí giải phóng mặt bằng nên đã thương lượng với các hộ dân để đặt cống thoát nước dưới con đường trên. Phía trên vẫn là con đường nhân dân đi lại nhưng bà Nghĩa đã lấn chiếm một phần đất của con đường khiến con đường bị thu hẹp lại thành 1,7m nên bà đại diện theo ủy quyền của tất cả các hộ dân xung quanh có sử dụng con đường xóm trên khởi kiện ông

Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H. Buộc ông I, bà H phải trả lại diện tích đã lấn chiếm của con đường xóm, khôi phục lại hiện trạng 4m chiều rộng con đường xóm.

** Bị đơn bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn I trình bày như sau:*

Gia đình ông bà được đội 20 Nông trường TH cấp đất ở từ năm 1987. Tháng 4/1991 thì Nông trường đo đạc để cấp bìa đất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh. Phần đất thổ cư của ông bà được thể hiện cụ thể tại sơ đồ đo đạc địa chính do UBND tỉnh thực hiện - Bản đồ hiện trạng khu dân cư đội 20, tiểu khu 2, Nông trường quốc doanh Tô Hiệu. Năm 1995 thì toàn bộ diện tích đất ở của các hộ dân cũng được UBND tỉnh đo đạc lại và diện tích đất sử dụng của ông bà như kết quả đo đạc năm 1991, cụ thể: Phần mặt đường quốc lộ 6 là 22,5m. Chiều dài cạnh phía Tây Bắc là 39m, chiều dài cạnh lối đi của xóm là 31m, phần sau là 20,5m. Năm 1992, gia đình ông bà có được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 390m^2, diện tích sai lệch so với bản đồ địa chính là do đất có hủm sâu và đá nên tổ đo đạc đã trừ bớt đi để gia đình nộp thuế. Ông bà khẳng định sử dụng đúng diện tích đất đã được giao, không lấn chiếm đất. Theo ông bà trong quy hoạch của Nông trường TH trước năm 1995 không có con đường nào xóm đang tranh chấp, vì điểm phía trong toàn bộ là đất sản xuất, không có khu dân cư nên không có đường xóm. Đội 20 chỉ để lại một lối mòn để dong bò ra đường quốc lộ 6 nay là đường mà cống thoát nước của UBND huyện MS đang đặt dưới và nhân dân tận dụng nắp bê tông phía trên cống để làm đường đi. Vì vậy, ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Z6, ông Lê Khải Z7 trình bày như sau:*

Phần đất ông bà sử dụng làm nhà tại tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La có vị trí giáp với lối đi các bên đang có tranh chấp được ông bà sử dụng từ năm 1986. Nguồn gốc đất là của bà Vi đổi cho ông bà. Năm 1987, ông Z8 là hiệu trưởng Trường Lái xe đã đề nghị gia đình ông bà đổi cho Trường lái một phần diện tích đất đang sử dụng để làm lối đi từ đường Quốc lộ 6 lên khu dân cư bên trong lô 2 và ông bà đã nhất trí. Con đường được hình thành từ thời điểm đó đến bây giờ. Tại thời điểm đổi đất thì ông bà cũng không đo đạc cụ thể chiều dài, chiều rộng của con đường là bao nhiêu mét, người dân trong xóm sử dụng con đường đó đi lại để chở nước vào cho các hộ dân bên trong. Đến năm 1998 thì ông bà bắt đầu xây dựng nhà ở kiên cố hiện trạng cho đến bây giờ không thay đổi, năm 2006 thì ông bà làm thủ tục cấp bìa đất. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với các hộ dân xung quanh.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các thành viên trong hộ gia đình của các đồng nguyên đơn đều nhất trí với lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La đã Quyết định:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4, Điều 5, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 275 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B, anh Lê Xuân C, ông Lê Văn D, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Hồng E, bà Trần Thị Thanh và bà Lâm Thị G về việc buộc ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H phải trả lại lối đi chung đoạn đấu nối giữa đường Quốc lộ 6 với đường Hoa Ban (nay là ngõ 377 đường TH thuộc tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) với chiều rộng của con đường là 4m, chiều dài tiếp giáp với hộ gia đình ông bà H I là 25,8m.

Giữ nguyên hiện trạng phần lối đi dân sinh tại ngõ 377, đường Tô Hiệu, tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6 đo từ mốc 1 đến mốc 2 là 2,01m.

Phía Đông giáp đất ông bà H I đang sử dụng (ranh giới là 2 cột sắt và bê tông chôn để kéo đường điện) đo từ mốc 2 đến mốc 3 là 26,21m.

Phía Nam giáp đường xóm đi vào nhà anh Lê Xuân C và chị Lê Thị Đ đo từ mốc 3 đến mốc 4 là 2,86m.

Phía Tây giáp nhà ông bà Z6 Z7 và nhà ông bà Liên Kha đo từ mốc 1 đến mốc 4 là 26,21m.

(Có sơ đồ hiện trạng lối đi đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2020).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/01/2021, bà Trần Thị A - là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn anh Nguyễn Văn B; anh Lê Xuân C; ông Lê Văn D; chị Lê Thị Đ; chị Nguyễn Hồng E; bà Nguyễn Thị F; bà Lâm Thị G có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Quan điểm của nguyên đơn: Căn cứ quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 28/8/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La giao cho Trường dạy nghề I Sơn La thì giáp nhà bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn I và bà Phạm Thị Z6, ông Lê Khải Z7 có một con đường rộng 4m là lối đi chung của bà con nhân dân tiểu khu 2,

quyết định này chưa bị thu hồi hay có văn bản nào hủy bỏ. Vì vậy Tòa án huyện MS xác định không có lối đi chung rộng 4m là không đúng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn I phải trả lại lối đi chung có chiều rộng 4m.

- Quan điểm của bị đơn: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

- Quan điểm của người liên quan ông Phạm Xuân Z3: Năm 1992 ông bà I H được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp 390m^2 đất ở tại Đội 20, nông trường Tô Hiệu, huyện MS. Đến năm 1993 ông I đã tự ý rào ½ lối đi chung, thời điểm đó phía bên trong chỉ có gia đình nhà tôi ở, tôi đã báo cáo với ông Z8 lúc đó là hiệu trưởng trường lái xe về việc ông I tự ý rào lối đi chung, ông Z8 hứa sẽ trao đổi lại với ông đội trưởng Đội 20, nông trường TH để nhắc nhở ông I nhưng sau đó ông I vẫn không tháo dỡ hàng rào.

- Quan điểm của người liên quan ông Phạm Xuân B: Khi gia đình ông I bán một phần diện tích đất cho ông bà Minh Thúy, tôi trực tiếp là người đi đo đất nên tôi biết. Tôi khẳng định gia đình ông I có lấn chiếm 1/3 con đường là lối đi chung.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện MS đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, bà Nguyễn Thị F, ông Lê Văn D, bà Lâm Thị G, anh Lê Xuân C, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Hồng E, anh Nguyễn Văn B đều cư trú tại tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cùng sử dụng lối đi chung tại ngõ 377, đường Tô Hiệu, tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La để đi ra đường Quốc lộ 6. Quá trình sử dụng lối đi này, các nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lấn chiếm một phần lối đi chung và khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại nguyên trạng lối đi chung; bị đơn ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H xác định không có sự lấn chiếm lối đi chung nên không nhất trí. Cấp

sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp lối đi chung" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình hình thành lối đi chung đang tranh chấp:

Ngày 25/8/1987, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 309/QĐ-UBND về việc cấp 12.780m^2 đất khu vực thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La; loại đất sườn đồi, bãi đá để xây dựng công trình công cộng và nhà ở cho cán bộ trường dạy nghề I Sơn La, kèm theo Quyết định là 01 sơ đồ, bản đồ khu vực cấp đất (các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tại phòng kinh tế hạ tầng huyện MS thể hiện Quyết định cấp đất số 109/QĐ-UBND; tuy nhiên tài liệu do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cung cấp thì số Quyết định 109/QĐ-UBND đã được gạch bỏ và thay bằng Quyết định số 309/QĐ-UBND. Do đó xác định đây là Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/8/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Phần lối đi đang tranh chấp được xác định là phần lối đi nằm giữa diện tích đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H và hộ gia đình bà Phạm Thị Z6, ông Lê Khải Z7. Lối đi hiện đang có tranh chấp cũng được hình thành từ khi đó do trường dạy nghề I Sơn La đổ đất, san ủi làm đường để chở nước sinh hoạt cho các hộ dân cư là cán bộ của trường dạy nghề I Sơn La.

Nguyên đơn xác định lối đi chung có chiều rộng 4m là căn cứ vào sơ đồ cấp đất kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/8/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, xét thấy:

Sơ đồ kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/8/1987 được xác định là sơ đồ có tên gọi "Trích bản đồ hiện trạng trường lái xe máy cơ điện, tỷ lệ 1:50". Đây là sơ đồ được vẽ bằng tay, tại vị trí khu tập thể và khu gia đình giáp đường Quốc lộ 6 và đường lô có thể hiện 02 đường đi, nối liền 02 đường đi trên có chiều rộng được ghi nhận là 4m. Bản đồ có xác nhận của hai đơn vị là Nông trường quốc doanh TH và Trường Dạy nghề I Sơn La.

Theo sơ đồ do nguyên đơn cung cấp có nội dung xác nhận, ký đóng dấu của Trưởng phòng kinh tế hạ tầng huyện MS (ông Trần Ngọc Nghị). Tuy nhiên nội dung xác nhận, ký đóng dấu là do khi các đương sự xảy ra tranh chấp, nguyên đơn thực hiện việc khai thác hồ sơ nên Phòng kinh tế hạ tầng huyện MS có xác nhận vào sơ đồ trên. Mặt khác, nội dung xác nhận chỉ thể hiện "theo quy hoạch đường rộng 4m và huyện có thiết kế cống thoát nước tại tuyến đường này", không khẳng định lối đi đang tranh chấp hiện nay là 4m.

Bị đơn bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn I xác định lối đi chung đang tranh chấp thực tế trước đây là lối mòn lên nương, không có hộ dân nào sinh sống đằng trong khu vực đó. Đối chiếu với bản đồ hiện trạng khu dân cư đội 20, tiểu

khu 2, Nông trường Quốc doanh TH năm 1992 (có chữ ký, dấu xác nhận của Giám đốc Nông trường Tô Hiệu, Ban Quản lý đất đai tỉnh và phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La) thì đất gia đình ông bà H I sử dụng nằm phía bên tay trái theo hướng Sơn La - Hà Nội giáp ranh trực tiếp với đất khu dân cư trường lái, không thể hiện có lối đi chung.

Căn cứ lời khai của ông Bùi Văn Chủ - Hiệu trưởng Trường dạy nghề I Sơn La tại thời điểm đó xác định, ông Z8 chính là người đại diện cho Trường dạy nghề I Sơn La làm việc với Nông trường Quốc doanh TH về việc xin quỹ đất của nhà trường, sau đó nhà trường mới phân chia đất ở, các hộ gia đình tự cải tạo và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai đơn vị đã vẽ sơ đồ quy hoạch bằng tay, ông Z8 ký vào phía đại diện Trường dạy nghề I Sơn La và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ký phê duyệt, ông Z8 thừa nhận tại thời điểm đó có con đường đi (hiện đang tranh chấp), tuy nhiên không có căn cứ xác định chiều rộng của con đường là bao nhiêu mét.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất do ông bà H I sử dụng một mặt giáp đường Quốc lộ 6. Đối chiếu bản đồ Nông trường TH (đội 3/2 tờ số 6ª hiện do Công ty TNHH Nông nghiệp TH Sơn La quản lý) thì đất của ông bà H I nằm ở lô 2, không giáp đường Quốc lộ 6, lối đi chung không đi ra đến đường Quốc lộ 6.

Căn cứ lời khai của bà Phạm Thị Z6, ông Lê Khải Z7 xác định: Năm 1987, ông Bùi Văn Chủ là hiệu trưởng Trường Lái xe đã đề nghị gia đình ông bà đổi cho Trường lái xe một phần diện tích đất đang sử dụng để làm lối đi từ đường Quốc lộ 6 lên khu dân cư bên trong lô 2 và ông bà đã nhất trí, con đường được hình thành từ thời điểm đó đến bây giờ. Tại thời điểm đổi đất thì ông bà cũng không đo đạc cụ thể chiều dài, chiều rộng của con đường là bao nhiêu mét. Lời khai của ông bà Z6 Z7 phù hợp với sơ đồ hiện trạng đất mà Công ty TNHH Nông nghiệp Sơn La đang quản lý.

[2.2] Về diện tích đất bị đơn sử dụng:

Ngoài căn cứ trên, sơ đồ đất kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/8/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, phía nguyên đơn còn căn cứ trên diện tích đất mà bị đơn sử dụng có sự gia tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 1992 để xác định bị đơn có sự lấn chiếm lối đi chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ trên kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thì phần lối đi chung phía giáp đường Quốc lộ 6 có chiều rộng 2,1m, phía giáp đường đi vào xóm có chiều rộng 2,86m. Chiều rộng của lối đi chung này phù hợp với sơ đồ thửa đất trong hợp đồng chuyển nhượng giữa hộ gia đình bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn I với ông Đoàn Văn Minh, bà Nguyễn Thị Thủy năm 2001 thể hiện đường xóm có chiều rộng 2m, phù hợp sơ đồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Z6, ông Lê Khải Z7.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn cho rằng bị đơn rào lấn lối đi chung, thời điểm rào lối đi chung là sau khi ông bà Z6 Z7 làm nhà (năm 1998). Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều xác định thời điểm ông bà H I được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1992), thì chỉ có hộ gia đình ông bà H I, ông bà Liên Kha và ông bà Z6 Z7 sinh sống ở khu vực đó. Các hộ gia đình khác (các đồng nguyên đơn khác) sau này mới chuyển đến sinh sống (khoảng năm 2001). Người liên quan ông Phạm Xuân Z3 (chồng của nguyên đơn bà Lâm Thị G) xác định, năm 1987 Trường dạy nghề I Sơn La tiến hành san ủi mặt bằng, làm đường theo sơ đồ cấp đất, đường rộng 4m, xe chở nước đi vào được. Đến năm 1993, ông I đã rào lấn vào ½ con đường, ông Z3 đã phản ánh với ông Z8 (hiệu trưởng trường dạy nghề) và ông Z8 có làm việc với ông Thiết (đội trưởng đội 20) để yêu cầu ông I dỡ bỏ phần lấn chiếm, tuy nhiên ông I không nhất trí. Có thể thấy rằng, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định bị đơn có rào, lấn chiếm lối đi chung nhưng lời khai không đồng nhất về thời điểm rào lấn và diện tích lấn chiếm lối đi chung; tính từ thời điểm nguyên đơn xác định bị đơn rào lấn chiếm lối đi chung gần nhất (năm 1998) đến khi các đồng nguyên đơn khởi kiện (năm 2016) là 18 năm, trong khoảng thời gian này các bên không hề có ý kiến tranh chấp gì, nguyên đơn cho rằng các bên có phát sinh tranh chấp nhưng không có căn cứ chứng minh.

Mặt khác, phần lối đi chung đang tranh chấp là phần lối đi nằm giữa diện tích đất của hai hộ gia đình ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H và hộ gia đình bà Phạm Thị Z6, ông Lê Khải Z7. Quá trình sử dụng đất, phía ông bà H I có canh tác, rào dậu; phía ông bà Z6 Z7 có xây tường làm nhà, hai hộ gia đình đều có sự cải tạo, tôn tạo, sử dụng đất nhất định. Tuy nhiên các đồng nguyên đơn xác định hộ gia đình ông bà Z6 Z7 không có sự lấn chiếm lối đi chung mà chỉ có hộ gia đình ông bà H I lấn chiếm lối đi chung là thiếu khách quan bởi lẽ: căn cứ trên thực tế thì diện tích đất ông bà H I sử dụng hiện nay phù hợp với thời điểm gia đình ông bà H I chuyển nhượng đất cho gia đình ông bà Minh Thủy năm 2001, trùng với thời điểm sử dụng đất ổn định của gia đình ông bà Z6 Z7.

Theo bản đồ hiện trạng khu dân cư đội 20, tiểu khu 2, Nông trường Quốc doanh TH tháng 01/1992 thì bà Nghĩa, ông I sử dụng thửa đất có diện tích 330m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03/3/1992 thì ông bà H I được quyền sử dụng diện tích đất là 390m^2. Năm 2001, ông bà H I chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông bà Minh Thủy.

Theo kết quả xác minh giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình ông bà H I và gia đình ông bà Minh Thủy ngày 04/02/2005 của Đoàn thanh tra do Ủy ban nhân dân huyện MS thành lập thể hiện: tổng diện tích đất ông bà H I đang sử dụng là 591,2m^2; diện tích đất mà ông bà Minh Thủy nhận chuyển nhượng đang sử dụng là 438,6m^2; diện tích đất thực tế ông bà H I đang sử dụng là 152,6m^2. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện MS thể hiện: Diện tích đất thực tế ông bà H I hiện đang sử dụng là

148,3m^2. Như vậy diện tích đất ông bà H I đang sử dụng tương đương diện tích đất mà ông bà H I đã sử dụng tại thời điểm năm 2001, 2005.

[2.3] Diện tích đất trước khi chuyển nhượng cho ông bà Minh Thủy của gia đình ông bà H I tăng thêm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1992. Bị đơn ông bà H I xác định lý do diện tích đất đang sử dụng tăng thêm là khi đơn vị đến đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà, do diện tích đất phía sau gia đình ông bà sử dụng có hủm đá sâu nên tổ đo đạc đã trừ bớt phần diện tích đất đó đi để gia đình ông bà nộp thuế ít hơn, còn thực tế diện tích đất ông bà H I sử dụng lớn hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La có cử cán bộ xuống đo đạc lại diện tích đất sử dụng thực tế để vẽ bản đồ.

Xét lý do của bị đơn đưa ra phù hợp với lời khai của các đương sự về việc diện tích đất của các hộ gia đình trong khu vực đó có hủm đá sâu; phù hợp với bản đồ đo đạc tháng 12/1995 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MS thể hiện diện tích đất gia đình ông bà H I sử dụng thực tế thời điểm năm 1995 là 710m^2.

Các đồng nguyên đơn xác định diện tích đất của bị đơn ông bà H I tăng thêm là do lấn chiếm lối đi chung. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các đồng nguyên đơn cho rằng, bị đơn đã lấn chiếm lối đi chung khoảng 2m chiều rộng, chiều dài kéo hết phần đất của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, các đương sự đều xác nhận ranh giới sử dụng đất giữa bị đơn và các hộ gia đình xung quanh là ổn định, không có sự thay đổi. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định, thửa đất của bị đơn phía giáp lối đi chung có chiều dài là 26,21m. Đối chiếu với ý kiến của các đồng nguyên đơn thì diện tích đất mà bị đơn lấn chiếm lối đi chung khoảng hơn 50m^2, diện tích này không phù hợp (nhỏ hơn rất nhiều) so với diện tích đất tăng thêm của bị đơn nếu chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn năm 1992 trong khi phía giáp ranh với các hộ gia đình xung quanh không thay đổi.

Ngoài ra, tại văn bản số 1909/UBND-KT ngày 20/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện MS về việc xử lý vướng mắc trong việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân có diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn so với diện tích đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xác định: Nguyên nhân của tình trạng trên là do trước đây khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cán bộ Tài nguyên và môi trường tiến hành đo đạc bằng phương pháp thủ công sau đó vẽ sơ đồ lên giấy, do vậy khi đo đạc lại bằng máy toàn đạc điện tử thì hầu hết diện tích đất thực tế các hộ gia đình sử dụng đều tăng lên so với diện tích đất ghi trên giấy. Như vậy, không có căn cứ để xác định phần diện tích đất ông bà H I sử dụng ngoài phần diện tích đất được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông bà H I lấn chiếm lối đi chung.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng: không có căn cứ xác định lối đi chung có chiều rộng 4m cũng như không có căn cứ xác định việc bị đơn ông I, bà H đã lấn chiếm lối đi chung này.

Tại cấp phúc thẩm, các đồng nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới để bổ sung cho kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La.

[3] Về án phí phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B, anh Lê Xuân C, ông Lê Văn D, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Hồng E, bà Nguyễn Thị F, bà Lâm Thị G; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 5, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B, anh Lê Xuân C, ông Lê Văn D, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Thị Hồng Thi, bà Trần Thị Thanh và bà Lâm Thị G về việc buộc ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H phải trả lại lối đi chung đoạn đấu nối giữa đường Quốc lộ 6 với đường Hoa Ban (nay là ngõ 377, đường Tô Hiệu, tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) với chiều rộng của con đường là 4m, chiều dài tiếp giáp với hộ gia đình ông bà H I là 25,8m.

Giữ nguyên hiện trạng phần lối đi dân sinh tại ngõ 377, đường Tô Hiệu, tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6 đo từ mốc 1 đến mốc 2 là 2,01m.

Phía Đông giáp đất ông bà H I đang sử dụng (ranh giới là 2 cột sắt và bê tông chôn để kéo đường điện) đo từ mốc 2 đến mốc 3 là 26,21m.

Phía Nam giáp đường xóm đi vào nhà anh Lê Xuân C, chị Lê Thị Đ đo từ mốc 3 đến mốc 4 là 2,86m.

Phía Tây giáp nhà ông bà Z6 Z7 và nhà ông bà Liên Kha đo từ mốc 1 đến mốc 4 là 26,21m.

(Có sơ đồ hiện trạng lối đi đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2020).

2. Về án phí phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B, anh Lê Xuân C, ông Lê Văn D, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Hồng E, bà Nguyễn Thị F, bà Lâm Thị G phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001884 ngày 22/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Các đồng nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 01/6/2021).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện MS;
- Tòa án nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cầm Văn Thanh	**Đinh Huy Hiệp**	**Phạm Tuấn Minh**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-PT
Ngày 01 - 6 - 2021
V/v: Tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh;

Ông Đinh Huy Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh *Sơn La.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, từ ngày 25 tháng 5 năm 2021 đến ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công Z3i vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc: Tranh chấp lối đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị A, sinh năm: 1968. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1974. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Lê Xuân C, sinh năm: 1978. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Lê Văn D, sinh năm: 1966. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị Đ, sinh năm: 1982. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Chị Nguyễn Hồng E, sinh năm: 1978. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị F, sinh năm: 1954. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Lâm Thị G, sinh năm 1960. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Bà Liên vắng mặt, ông Z3 có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm: 1968. Cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

***2. Bị đơn*:**

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1962; ông Nguyễn Văn I, sinh năm: 1960. Đều cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La (bà Nghĩa vắng mặt, ủy quyền cho ông I tham gia phiên tòa). Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Các thành viên khác trong hộ gia đình bà Trần Thị A gồm: ông Phạm Xuân B, sinh năm: 1965; Chị Phạm Thị K, sinh năm 1993; Anh Phạm Anh L, sinh năm 2000. Cư trú tại : Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện hộ gia đình là ông Phạm Xuân B - Chủ hộ. Ông B có mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình anh Lê Xuân C gồm: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1980; cháu Lê Nguyễn Tùng N, sinh năm: 2000; cháu Lê Nguyễn Minh O, sinh năm 2012. Cùng cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là anh Lê Xuân C - Chủ hộ. Vắng mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình ông Lê Văn D gồm: Bà Trần Thị P, sinh năm: 1969; Anh Lê Đức Q, sinh năm 1987; Chị Lê Thị R, sinh năm 1989. Cùng cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là ông Lê Văn D - Chủ hộ. Vắng mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình chị Lê Thị Đ gồm: Anh Bùi Minh S, sinh năm 1981. Cháu Bùi Ngọc T, sinh ngày 11/3/2003. Cháu Bùi Minh Thành U, sinh ngày 03/01/2010. Cùng cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là chị Lê Thị Đ - Chủ hộ. Chị Đ có mặt.

- Các thành viên trong hộ gia đình chị Nguyễn Hồng E gồm: Lê Đăng Tuấn V, sinh năm 2001. Lê Hồng Hải X, sinh ngày 12/5/2012. Cùng cư trú tại: tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là chị Nguyễn Hồng E - Chủ hộ. Chị E có mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị F gồm: ông Lê Văn Y, sinh năm 1947; Chị Lê Thị Z, sinh năm 1984; Anh Vì Văn Z1, sinh năm 1979; Cháu Vì Lê Hải Z2, sinh năm 2009. Cùng cư trú tại: tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là ông Lê Văn Y - Chủ hộ. Bà F có mặt.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình bà Lâm Thị G gồm: ông Phạm Xuân Z3, sinh năm: 1957; Anh Phạm Tuấn Z4, sinh năm 1984; Chị Phạm Thị Z5, sinh năm 1991. Cùng cư trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện các thành viên trong hộ gia đình là ông Phạm Xuân Z3 - Chủ hộ. Ông Z3 có mặt.

- Bà Phạm Thị Z6, ông Lê Khả Z7. Địa chỉ: Số nhà 155, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị A đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:

** Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn trong vụ án bà Trần Thị A trình bày như sau*:

Con đường nằm giữa đất của hai hộ gia đình bà Đỗ Thị H (chồng là Nguyễn Văn I) và hộ gia đình ông Lê Khả Z7 (vợ là Phạm Thị Z6) thuộc xóm 1 và xóm 3 tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La được hình thành từ năm 1987. Đây là con đường được quy hoạch từ Nông trường Quốc doanh TH (nay là công ty Nông nghiệp Tô Hiệu) và Trường lái xe cũ (nay là trường dạy nghề) mở theo quy hoạch khu dân cư đấu nối từ đường Quốc lộ 6 đến đường lô (nay là đường Hoa Ban) song song với đường quốc lộ 6 có chiều rộng đường là 4m. Con đường được mở với mục đích chính là phục vụ cho việc chở nước sinh hoạt cung cấp cho các hộ dân là cán bộ viên chức trong trường dạy nghề. Qua thời gian sử dụng, con đường đã bị các hộ dân liền kề lấn chiếm khiến bị thu hẹp diện tích. Cụ thể đầu đường giáp Quốc lộ 6 phần giáp nhà ông bà H I (hướng Tây Bắc) còn lại chiều rộng 1,7m. Phía Đông Nam giáp với nhà bà Z6 Z7 đã xây nhà kiên cố không có tranh chấp. Đoạn giữa của hai con đường (vị trí giữa đất nhà bà F và ông Z3) có chiều rộng 2m (bà F qua hòa giải tại địa phương đã đồng ý trả lại diện tích lấn chiếm để con đường có chiều rộng 4m). Phần cuối con đường giáp đường Hoa Ban (giữa vị trí đất nhà ông Phong và ông Z3 có chiều rộng là 3,9m.

Khi Ủy ban nhân dân huyện MS có chủ trương làm đường Hoa Ban, khi triển khai thực hiện do không có kinh phí giải phóng mặt bằng nên đã thương lượng với các hộ dân để đặt cống thoát nước dưới con đường trên. Phía trên vẫn là con đường nhân dân đi lại nhưng bà Nghĩa đã lấn chiếm một phần đất của con đường khiến con đường bị thu hẹp lại thành 1,7m nên bà đại diện theo ủy quyền của tất cả các hộ dân xung quanh có sử dụng con đường xóm trên khởi kiện ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H. Buộc ông I, bà H phải trả lại diện tích đã lấn chiếm của con đường xóm, khôi phục lại hiện trạng 4m chiều rộng con đường xóm.

** Bị đơn bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn I trình bày như sau:*

Gia đình ông bà được đội 20 Nông trường TH cấp đất ở từ năm 1987. Tháng 4/1991 thì Nông trường đo đạc để cấp bìa đất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh. Phần đất thổ cư của ông bà được thể hiện cụ thể tại sơ đồ đo đạc địa chính do UBND tỉnh thực hiện - Bản đồ hiện trạng khu dân cư đội 20, tiểu khu 2, Nông trường quốc doanh TH. Năm 1995 thì toàn bộ diện tích đất ở của các hộ dân cũng được UBND tỉnh đo đạc lại và diện tích đất sử dụng của ông bà như kết quả đo đạc năm 1991, cụ thể: Phần mặt đường quốc lộ 6 là 22,5m. Chiều dài cạnh phía Tây Bắc là 39m, chiều dài cạnh lối đi của xóm là 31m, phần sau là 20,5m. Năm 1992, gia đình ông bà có được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 390m^2, diện tích sai lệch so với bản đồ địa chính là do đất có hủm sâu và đá nên tổ đo đạc đã trừ bớt đi để gia đình nộp thuế. Ông bà khẳng định sử dụng đúng diện tích đất đã được giao, không lấn chiếm đất. Theo ông bà trong quy hoạch của Nông trường TH trước năm 1995 không có con đường nào xóm đang tranh chấp, vì điểm phía trong toàn bộ là đất

sản xuất, không có khu dân cư nên không có đường xóm. Đội 20 chỉ để lại một lối mòn để dong bò ra đường quốc lộ 6 nay là đường mà cống thoát nước của UBND huyện MS đang đặt dưới và nhân dân tận dụng nắp bê tông phía trên cống để làm đường đi. Vì vậy, ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K, ông Lê Khả Z7 trình bày như sau:*

Phần đất ông bà sử dụng làm nhà tại tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La có vị trí giáp với lối đi các bên đang có tranh chấp được ông bà sử dụng từ năm 1986. Nguồn gốc đất là của bà Vi đổi cho ông bà. Năm 1987, ông Z8 là hiệu trưởng Trường Lái xe đã đề nghị gia đình ông bà đổi cho Trường lái một phần diện tích đất đang sử dụng để làm lối đi từ đường Quốc lộ 6 lên khu dân cư bên trong lô 2 và ông bà đã nhất trí. Con đường được hình thành từ thời điểm đó đến bây giờ. Tại thời điểm đổi đất thì ông bà cũng không đo đạc cụ thể chiều dài, chiều rộng của con đường là bao nhiêu mét, người dân trong xóm sử dụng con đường đó đi lại để chở nước vào cho các hộ dân bên trong. Đến năm 1998 thì ông bà bắt đầu xây dựng nhà ở kiên cố hiện trạng cho đến bây giờ không thay đổi, năm 2006 thì ông bà làm thủ tục cấp bìa đất. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với các hộ dân xung quanh.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các thành viên trong hộ gia đình của các đồng nguyên đơn đều nhất trí với lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La đã Quyết định:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4, Điều 5, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 275 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B, anh Lê Xuân C, ông Lê Văn D, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Hồng E, bà Trần Thị Thanh và bà Lâm Thị G về việc buộc ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H phải trả lại lối đi chung đoạn đấu nối giữa đường Quốc lộ 6 với đường Hoa Ban (nay là ngõ 377 đường TH thuộc tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) với chiều rộng của con đường là 4m, chiều dài tiếp giáp với hộ gia đình ông bà H I là 25,8m.

Giữ nguyên hiện trạng phần lối đi dân sinh tại ngõ 377, đường Tô Hiệu, tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6 đo từ mốc 1 đến mốc 2 là 2,01m.

Phía Đông giáp đất ông bà H I đang sử dụng (ranh giới là 2 cột sắt và bê tông chôn để kéo đường điện) đo từ mốc 2 đến mốc 3 là 26,21m.

Phía Nam giáp đường xóm đi vào nhà anh Lê Xuân C và chị Lê Thị Đ đo từ mốc 3 đến mốc 4 là 2,86m.

Phía Tây giáp nhà ông bà Z6 Z7 và nhà ông bà Liên Kha đo từ mốc 1 đến mốc 4 là 26,21m.

(Có sơ đồ hiện trạng lối đi đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2020).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/01/2021, bà Trần Thị A - là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn anh Nguyễn Văn B; anh Lê Xuân C; ông Lê Văn D; chị Lê Thị Đ; chị Nguyễn Hồng E; bà Nguyễn Thị F; bà Lâm Thị G có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Quan điểm của nguyên đơn: Căn cứ quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 28/8/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La giao cho Trường dạy nghề I Sơn La thì giáp nhà bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn I và bà Phạm Thị K, ông Lê Khải Z7 có một con đường rộng 4m là lối đi chung của bà con nhân dân tiểu khu 2, quyết định này chưa bị thu hồi hay có văn bản nào hủy bỏ. Vì vậy Tòa án huyện MS xác định không có lối đi chung rộng 4m là không đúng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn I phải trả lại lối đi chung có chiều rộng 4m.

- Quan điểm của bị đơn: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

- Quan điểm của người liên quan ông Phạm Xuân Z3: Năm 1992 ông bà I H được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp 390m^2 đất ở tại Đội 20, nông trường Tô Hiệu, huyện MS. Đến năm 1993 ông I đã tự ý rào ½ lối đi chung, thời điểm đó phía bên trong chỉ có gia đình nhà tôi ở, tôi đã báo cáo với ông Z8 lúc đó là hiệu trưởng trường lái xe về việc ông I tự ý rào lối đi chung, ông Z8 hứa sẽ trao đổi lại với ông đội trưởng Đội 20, nông trường TH để nhắc nhở ông I nhưng sau đó ông I vẫn không tháo dỡ hàng rào.

- Quan điểm của người liên quan ông Phạm Xuân B: Khi gia đình ông I bán một phần diện tích đất cho ông bà Minh Thúy, tôi trực tiếp là người đi đo

đất nên tôi biết. Tôi khẳng định gia đình ông I có lấn chiếm 1/3 con đường là lối đi chung.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện MS đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, bà Nguyễn Thị F, ông Lê Văn D, bà Lâm Thị G, anh Lê Xuân C, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Hồng E, anh Nguyễn Văn B đều cư trú tại tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cùng sử dụng lối đi chung tại ngõ 377, đường Tô Hiệu, tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La để đi ra đường Quốc lộ 6. Quá trình sử dụng lối đi này, các nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lấn chiếm một phần lối đi chung và khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại nguyên trạng lối đi chung; bị đơn ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H xác định không có sự lấn chiếm lối đi chung nên không nhất trí. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp lối đi chung" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình hình thành lối đi chung đang tranh chấp:

Ngày 25/8/1987, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 309/QĐ-UBND về việc cấp 12.780m^2 đất khu vực thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La; loại đất sườn đồi, bãi đá để xây dựng công trình công cộng và nhà ở cho cán bộ trường dạy nghề I Sơn La, kèm theo Quyết định là 01 sơ đồ, bản đồ khu vực cấp đất (các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tại phòng kinh tế hạ tầng huyện MS thể hiện Quyết định cấp đất số 109/QĐ-UBND; tuy nhiên tài liệu do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cung cấp thì số Quyết định 109/QĐ-UBND đã được gạch bỏ và thay bằng Quyết định số 309/QĐ-UBND. Do đó xác định đây là Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/8/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Phần lối đi đang tranh chấp được xác định là phần lối đi nằm giữa diện tích đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H và hộ gia đình bà Phạm Thị K, ông Lê Khải Z7. Lối đi hiện đang có tranh chấp cũng được hình thành từ khi đó do trường dạy nghề I Sơn La đổ đất, san ủi làm đường để chở nước sinh hoạt cho các hộ dân cư là cán bộ của trường dạy nghề I Sơn La.

Nguyên đơn xác định lối đi chung có chiều rộng 4m là căn cứ vào sơ đồ cấp đất kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/8/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, xét thấy:

Sơ đồ kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/8/1987 được xác định là sơ đồ có tên gọi "Trích bản đồ hiện trạng trường lái xe máy cơ điện, tỷ lệ 1:50". Đây là sơ đồ được vẽ bằng tay, tại vị trí khu tập thể và khu gia đình giáp đường Quốc lộ 6 và đường lô có thể hiện 02 đường đi, nối liền 02 đường đi trên có chiều rộng được ghi nhận là 4m. Bản đồ có xác nhận của hai đơn vị là Nông trường quốc doanh TH và Trường Dạy nghề I Sơn La.

Theo sơ đồ do nguyên đơn cung cấp có nội dung xác nhận, ký đóng dấu của Trưởng phòng kinh tế hạ tầng huyện MS (ông Trần Ngọc Nghị). Tuy nhiên nội dung xác nhận, ký đóng dấu là do khi các đương sự xảy ra tranh chấp, nguyên đơn thực hiện việc khai thác hồ sơ nên Phòng kinh tế hạ tầng huyện MS có xác nhận vào sơ đồ trên. Mặt khác, nội dung xác nhận chỉ thể hiện "theo quy hoạch đường rộng 4m và huyện có thiết kế cống thoát nước tại tuyến đường này", không khẳng định lối đi đang tranh chấp hiện nay là 4m.

Bị đơn bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn I xác định lối đi chung đang tranh chấp thực tế trước đây là lối mòn lên nương, không có hộ dân nào sinh sống đằng trong khu vực đó. Đối chiếu với bản đồ hiện trạng khu dân cư đội 20, tiểu khu 2, Nông trường Quốc doanh TH năm 1992 (có chữ ký, dấu xác nhận của Giám đốc Nông trường Tô Hiệu, Ban Quản lý đất đai tỉnh và phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La) thì đất gia đình ông bà H I sử dụng nằm phía bên tay trái theo hướng Sơn La - Hà Nội giáp ranh trực tiếp với đất khu dân cư trường lái, không thể hiện có lối đi chung.

Căn cứ lời khai của ông Bùi Văn Z8 - Hiệu trưởng Trường dạy nghề I Sơn La tại thời điểm đó xác định, ông Z8 chính là người đại diện cho Trường dạy nghề I Sơn La làm việc với Nông trường Quốc doanh TH về việc xin quỹ đất của nhà trường, sau đó nhà trường mới phân chia đất ở, các hộ gia đình tự cải tạo và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai đơn vị đã vẽ sơ đồ quy hoạch bằng tay, ông Z8 ký vào phía đại diện Trường dạy nghề I Sơn La và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ký phê duyệt, ông Z8 thừa nhận tại thời điểm đó có con đường đi (hiện đang tranh chấp), tuy nhiên không có căn cứ xác định chiều rộng của con đường là bao nhiêu mét.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất do ông bà H I sử dụng một mặt giáp đường Quốc lộ 6. Đối chiếu bản đồ Nông trường TH (đội 3/2 tờ số 6ª hiện do Công ty TNHH Nông nghiệp TH Sơn La quản lý) thì đất của ông bà

H I nằm ở lô 2, không giáp đường Quốc lộ 6, lối đi chung không đi ra đến đường Quốc lộ 6.

Căn cứ lời khai của bà Phạm Thị K, ông Lê Khải Z7 xác định: Năm 1987, ông Bùi Văn Chủ là hiệu trưởng Trường Lái xe đã đề nghị gia đình ông bà đổi cho Trường lái xe một phần diện tích đất đang sử dụng để làm lối đi từ đường Quốc lộ 6 lên khu dân cư bên trong lô 2 và ông bà đã nhất trí, con đường được hình thành từ thời điểm đó đến bây giờ. Tại thời điểm đổi đất thì ông bà cũng không đo đạc cụ thể chiều dài, chiều rộng của con đường là bao nhiêu mét. Lời khai của ông bà Z6 Z7 phù hợp với sơ đồ hiện trạng đất mà Công ty TNHH Nông nghiệp Sơn La đang quản lý.

[2.2] Về diện tích đất bị đơn sử dụng:

Ngoài căn cứ trên, sơ đồ đất kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/8/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, phía nguyên đơn còn căn cứ trên diện tích đất mà bị đơn sử dụng có sự gia tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 1992 để xác định bị đơn có sự lấn chiếm lối đi chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ trên kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thì phần lối đi chung phía giáp đường Quốc lộ 6 có chiều rộng 2,1m, phía giáp đường đi vào xóm có chiều rộng 2,86m. Chiều rộng của lối đi chung này phù hợp với sơ đồ thửa đất trong hợp đồng chuyển nhượng giữa hộ gia đình bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn I với ông Đoàn Văn Minh, bà Nguyễn Thị Thủy năm 2001 thể hiện đường xóm có chiều rộng 2m, phù hợp sơ đồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị K, ông Lê Khải Z7.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn cho rằng bị đơn rào lấn lối đi chung, thời điểm rào lối đi chung là sau khi ông bà Z6 Z7 làm nhà (năm 1998). Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều xác định thời điểm ông bà H I được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1992), thì chỉ có hộ gia đình ông bà H I, ông bà Liên Kha và ông bà Z6 Z7 sinh sống ở khu vực đó. Các hộ gia đình khác (các đồng nguyên đơn khác) sau này mới chuyển đến sinh sống (khoảng năm 2001). Người liên quan ông Phạm Xuân Z3 (chồng của nguyên đơn bà Lâm Thị G) xác định, năm 1987 Trường dạy nghề I Sơn La tiến hành san ủi mặt bằng, làm đường theo sơ đồ cấp đất, đường rộng 4m, xe chở nước đi vào được. Đến năm 1993, ông I đã rào lấn vào ½ con đường, ông Z3 đã phản ánh với ông Z8 (hiệu trưởng trường dạy nghề) và ông Z8 có làm việc với ông Thiết (đội trưởng đội 20) để yêu cầu ông I dỡ bỏ phần lấn chiếm, tuy nhiên ông I không nhất trí. Có thể thấy rằng, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định bị đơn có rào, lấn chiếm lối đi chung nhưng lời khai không đồng nhất về thời điểm rào lấn và diện tích lấn chiếm lối đi chung; tính từ thời điểm nguyên đơn xác định bị đơn rào lấn chiếm lối đi chung gần nhất (năm 1998) đến khi các đồng nguyên đơn khởi kiện (năm 2016) là 18 năm, trong khoảng thời

gian này các bên không hề có ý kiến tranh chấp gì, nguyên đơn cho rằng các bên có phát sinh tranh chấp nhưng không có căn cứ chứng minh.

Mặt khác, phần lối đi chung đang tranh chấp là phần lối đi nằm giữa diện tích đất của hai hộ gia đình ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H và hộ gia đình bà Phạm Thị K, ông Lê Khải Z7. Quá trình sử dụng đất, phía ông bà H I có canh tác, rào dậu; phía ông bà Z6 Z7 có xây tường làm nhà, hai hộ gia đình đều có sự cải tạo, tôn tạo, sử dụng đất nhất định. Tuy nhiên các đồng nguyên đơn xác định hộ gia đình ông bà Z6 Z7 không có sự lấn chiếm lối đi chung mà chỉ có hộ gia đình ông bà H I lấn chiếm lối đi chung là thiếu khách quan bởi lẽ: căn cứ trên thực tế thì diện tích đất ông bà H I sử dụng hiện nay phù hợp với thời điểm gia đình ông bà H I chuyển nhượng đất cho gia đình ông bà Minh Thủy năm 2001, trùng với thời điểm sử dụng đất ổn định của gia đình ông bà Z6 Z7.

Theo bản đồ hiện trạng khu dân cư đội 20, tiểu khu 2, Nông trường Quốc doanh TH tháng 01/1992 thì bà Nghĩa, ông I sử dụng thửa đất có diện tích 330m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03/3/1992 thì ông bà H I được quyền sử dụng diện tích đất là 390m^2. Năm 2001, ông bà H I chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông bà Minh Thủy.

Theo kết quả xác minh giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình ông bà H I và gia đình ông bà Minh Thủy ngày 04/02/2005 của Đoàn thanh tra do Ủy ban nhân dân huyện MS thành lập thể hiện: tổng diện tích đất ông bà H I đang sử dụng là 591,2m^2; diện tích đất mà ông bà Minh Thủy nhận chuyển nhượng đang sử dụng là 438,6m^2; diện tích đất thực tế ông bà H I đang sử dụng là 152,6m^2. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện MS thể hiện: Diện tích đất thực tế ông bà H I hiện đang sử dụng là 148,3m^2. Như vậy diện tích đất ông bà H I đang sử dụng tương đương diện tích đất mà ông bà H I đã sử dụng tại thời điểm năm 2001, 2005.

[2.3] Diện tích đất trước khi chuyển nhượng cho ông bà Minh Thủy của gia đình ông bà H I tăng thêm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1992. Bị đơn ông bà H I xác định lý do diện tích đất đang sử dụng tăng thêm là khi đơn vị đến đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà, do diện tích đất phía sau gia đình ông bà sử dụng có hủm đá sâu nên tổ đo đạc đã trừ bớt phần diện tích đất đó đi để gia đình ông bà nộp thuế ít hơn, còn thực tế diện tích đất ông bà H I sử dụng lớn hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La có cử cán bộ xuống đo đạc lại diện tích đất sử dụng thực tế để vẽ bản đồ.

Xét lý do của bị đơn đưa ra phù hợp với lời khai của các đương sự về việc diện tích đất của các hộ gia đình trong khu vực đó có hủm đá sâu; phù hợp với bản đồ đo đạc tháng 12/1995 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MS thể hiện diện tích đất gia đình ông bà H I sử dụng thực tế thời điểm năm 1995 là 710m^2.

Các đồng nguyên đơn xác định diện tích đất của bị đơn ông bà H I tăng thêm là do lấn chiếm lối đi chung. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các đồng nguyên đơn cho rằng, bị đơn đã lấn chiếm lối đi chung khoảng 2m chiều rộng, chiều dài kéo hết phần đất của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, các đương sự đều xác nhận ranh giới sử dụng đất giữa bị đơn và các hộ gia đình xung quanh là ổn định, không có sự thay đổi. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định, thửa đất của bị đơn phía giáp lối đi chung có chiều dài là 26,21m. Đối chiếu với ý kiến của các đồng nguyên đơn thì diện tích đất mà bị đơn lấn chiếm lối đi chung khoảng hơn 50m^2, diện tích này không phù hợp (nhỏ hơn rất nhiều) so với diện tích đất tăng thêm của bị đơn nếu chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn năm 1992 trong khi phía giáp ranh với các hộ gia đình xung quanh không thay đổi.

Ngoài ra, tại văn bản số 1909/UBND-KT ngày 20/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện MS về việc xử lý vướng mắc trong việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân có diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn so với diện tích đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xác định: Nguyên nhân của tình trạng trên là do trước đây khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cán bộ Tài nguyên và môi trường tiến hành đo đạc bằng phương pháp thủ công sau đó vẽ sơ đồ lên giấy, do vậy khi đo đạc lại bằng máy toàn đạc điện tử thì hầu hết diện tích đất thực tế các hộ gia đình sử dụng đều tăng lên so với diện tích đất ghi trên giấy. Như vậy, không có căn cứ để xác định phần diện tích đất ông bà H I sử dụng ngoài phần diện tích đất được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông bà H I lấn chiếm lối đi chung.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng: không có căn cứ xác định lối đi chung có chiều rộng 4m cũng như không có căn cứ xác định việc bị đơn ông I, bà H đã lấn chiếm lối đi chung này.

Tại cấp phúc thẩm, các đồng nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới để bổ sung cho kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La.

[3] Về án phí phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B, anh Lê Xuân C, ông Lê Văn D, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Hồng E, bà Nguyễn Thị F, bà Lâm Thị G; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 5, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B, anh Lê Xuân C, ông Lê Văn D, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Thị Hồng Thi, bà Trần Thị Thanh và bà Lâm Thị G về việc buộc ông Nguyễn Văn I, bà Đỗ Thị H phải trả lại lối đi chung đoạn đấu nối giữa đường Quốc lộ 6 với đường Hoa Ban (nay là ngõ 377, đường Tô Hiệu, tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) với chiều rộng của con đường là 4m, chiều dài tiếp giáp với hộ gia đình ông bà H I là 25,8m.

Giữ nguyên hiện trạng phần lối đi dân sinh tại ngõ 377, đường Tô Hiệu, tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6 đo từ mốc 1 đến mốc 2 là 2,01m.

Phía Đông giáp đất ông bà H I đang sử dụng (ranh giới là 2 cột sắt và bê tông chôn để kéo đường điện) đo từ mốc 2 đến mốc 3 là 26,21m.

Phía Nam giáp đường xóm đi vào nhà anh Lê Xuân C, chị Lê Thị Đ đo từ mốc 3 đến mốc 4 là 2,86m.

Phía Tây giáp nhà ông bà Z6 Z7 và nhà ông bà Liên Kha đo từ mốc 1 đến mốc 4 là 26,21m.

(Có sơ đồ hiện trạng lối đi đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2020).

2. Về án phí phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn bà Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B, anh Lê Xuân C, ông Lê Văn D, chị Lê Thị Đ, chị Nguyễn Hồng E, bà Nguyễn Thị F, bà Lâm Thị G phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001884 ngày

22/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Các đồng nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 01/6/2021).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện MS;
- Tòa án nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Minh